

**CÔNG TY CỔ
PHẦN TẬP
ĐOÀN CÔNG
NGHỆ CMC**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC
DN:
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
0100244112, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC, L=Cầu
Giấy, S=HÀ NỘI, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2018-06-29 09:05:17

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 3 năm 2018



Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 42

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015824 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 2 năm 2007 và các giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất được cấp ngày 1 tháng 8 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung;
- Sản xuất, kinh doanh, sửa chữa máy móc, thiết bị điện tử, truyền thông và công nghệ thông tin;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng dịch vụ đi thuê;
- Các hoạt động viễn thông; và
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam và 1 chi nhánh tại tầng 9, tòa nhà TNA, số 111 – 112 phố Ngô Gia Tự, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch	
Ông Hoàng Ngọc Hùng	Phó Chủ tịch	
Ông Đào Mạnh Kháng	Phó Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Phước Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên	
Ông Nguyễn Kim Cương	Thành viên	
Ông Tạ Hoàng Linh	Thành viên	
Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên	
Ông Nguyễn Danh Lam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2017
Bà Nguyễn Tường Vy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Đức Khương	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2017
Ông Trương Thanh Phúc	Thành viên	
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên	
Bà Vũ Thị Phương Thanh	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Chính	Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Ngọc Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Phước Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2017
Ông Hồ Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 6 năm 2017
Ông Lê Thanh Sơn	Giám đốc Tài chính	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Trung Chính, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng, và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 27 tháng 6 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ các thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Nguyễn Trung Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 6 năm 2018

Số tham chiếu: 61376291/19742168

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (“Công ty”) được lập ngày 27 tháng 6 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 27 tháng 6 năm 2018 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

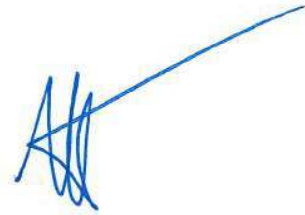
Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 16 tháng 6 năm 2017.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2018-004-1



Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 6 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		204.882.561.375	188.540.555.397
110	I. Tiền	4	1.494.635.604	1.048.642.109
111	1. Tiền		1.494.635.604	1.048.642.109
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	65.000.000.000	60.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		65.000.000.000	60.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		135.989.582.089	127.016.108.070
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	15.904.749.307	13.766.904.998
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.691.987.445	164.759.188
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	129.960.043.735	121.901.642.282
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.2	(11.567.198.398)	(8.817.198.398)
140	IV. Hàng tồn kho		31.753.808	57.650.000
141	1. Hàng tồn kho		31.753.808	57.650.000
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.366.589.874	418.155.218
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		610.568.495	221.743.184
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.735.709.156	176.099.811
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	27.1	20.312.223	20.312.223
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		788.327.118.684	645.133.094.944
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		29.426.945.000	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	29.426.945.000	-
220	II. Tài sản cố định		267.564.674.778	280.457.204.567
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	258.650.982.252	269.372.871.265
222	Nguyên giá		377.574.118.998	370.288.174.629
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(118.923.136.746)	(100.915.303.364)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	8.913.692.526	11.084.333.302
228	Nguyên giá		20.837.488.023	20.397.788.023
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.923.795.497)	(9.313.454.721)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	11	38.462.685.438	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		38.462.685.438	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	442.137.909.243	354.288.188.260
251	1. Đầu tư vào công ty con		498.897.033.010	430.864.926.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		7.258.356.000	12.248.356.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	627.044.400
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(64.017.479.767)	(89.452.138.140)
260	V. Tài sản dài hạn khác		10.734.904.225	10.387.702.117
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	10.734.904.225	10.387.702.117
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		993.209.680.059	833.673.650.341

10/05/18

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		153.966.602.593	76.558.949.640
310	I. Nợ ngắn hạn		128.008.484.973	59.373.163.496
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	9.879.960.059	6.173.147.673
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		668.127.240	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		119.395.915	500.096.189
314	4. Phải trả người lao động		4.332.277.069	4.543.530.326
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	10.598.516.044	5.484.341.016
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	7.262.673.801	5.894.561.779
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	7.115.009.433	11.397.349.524
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	77.677.002.822	19.986.435.633
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		10.355.522.590	5.393.701.356
330	II. Nợ dài hạn		25.958.117.620	17.185.786.144
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	11.304.006.023	9.427.852.743
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.2	1.647.247.965	1.705.244.305
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	19	13.006.863.632	6.052.689.096
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		839.243.077.466	757.114.700.701
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	839.243.077.466	757.114.700.701
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		673.419.530.000	673.419.530.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		673.419.530.000	673.419.530.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		34.444.340.400	14.895.512.634
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(6.840.260.634)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		131.379.207.066	75.639.918.701
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		9.116.692.850	6.212.220.852
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		122.262.514.216	69.427.697.849
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		993.209.680.059	833.673.650.341

Kế toán trưởng
Nguyễn Hồng Phương

Giám đốc Tài chính
Lê Thanh Sơn



Tổng Giám đốc
Nguyễn Trung Chính

Ngày 27 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	153.504.372.757	119.002.463.124
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	22.1	153.504.372.757	119.002.463.124
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	108.579.294.679	74.425.311.489
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		44.925.078.078	44.577.151.635
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	114.212.096.667	69.919.652.546
22	7. Chi phí tài chính	24	(22.081.799.069)	(8.184.001.780)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.954.243.684	2.171.101.585
25	8. Chi phí bán hàng		724.882.310	1.051.763.490
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	42.586.043.332	38.631.507.981
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		137.908.048.172	82.997.534.490
31	11. Thu nhập khác		1.293.924.632	142.015.818
32	12. Chi phí khác		176.478.419	68.961.226
40	13. Lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]		1.117.446.213	73.054.592
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		139.025.494.385	83.070.589.082
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	-	-
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.2	(57.996.340)	(57.996.340)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		139.083.490.725	83.128.585.422

Kế toán trưởng
Nguyễn Hồng Phương

Giám đốc Tài chính
Lê Thanh Sơn

Tổng Giám đốc
Nguyễn Trung Chính

Ngày 27 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Phân loại lại)
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận trước thuế		139.025.494.385	83.070.589.082
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	9,10	20.694.404.334 (22.684.658.373)	20.359.536.492 (10.351.012.815)
03	Các khoản hoàn nhập dự phòng			
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		112.168.553 (112.642.397.099)	902.195 (69.917.237.096)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư			
06	Chi phí lãi vay	24	2.954.243.684	2.171.101.585
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		27.459.255.484 (3.916.095.221)	25.333.879.443 36.821.023.733
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu			
10	Giảm hàng tồn kho		25.896.192	-
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		7.210.849.846 (736.027.419)	(14.595.268.341) 1.143.021.100
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(2.912.215.266)	(863.096.514)
14	Tiền lãi vay đã trả			
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.063.156.378)	(7.784.175.417)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		22.068.507.238	40.055.384.004
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(50.488.429.854)	(6.706.418.640)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.493.127.837	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(62.000.000.000)	(67.900.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		57.000.000.000	12.632.536.683
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(62.901.123.750)	(11.256.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		340.597.333	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		76.784.181.812	69.934.599.402
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(39.771.646.622)	(3.295.282.555)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, tái phát hành cổ phiếu quỹ, nhận vốn góp chủ sở hữu		26.389.088.400	-
33	Tiền thu từ đi vay		282.504.476.979	120.376.838.316
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(224.813.909.790)	(110.479.000.089)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(65.930.522.710)	(52.462.724.720)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		18.149.132.879	(42.564.886.493)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		445.993.495	(5.804.785.044)
60	Tiền đầu năm		1.048.642.109	6.854.329.348
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(902.195)
70	Tiền cuối năm	4	1.494.635.604	1.048.642.109



Kế toán trưởng
Nguyễn Hồng Phương



Giám đốc Tài chính
Lê Thanh Sơn



Tổng Giám đốc
Nguyễn Trung Chính

Ngày 27 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") là một Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015824 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 2 năm 2007 và các giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất được cấp ngày 1 tháng 8 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung;
- Sản xuất, kinh doanh, sửa chữa máy móc, thiết bị điện tử, truyền thông và công nghệ thông tin;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng dịch vụ đi thuê;
- Các hoạt động viễn thông; và
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà CMC Tower, số 11 Phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam và 1 chi nhánh tại tầng 9, tòa nhà TNA, số 111 – 112 Ngô Gia Tự, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 là 83 (ngày 31 tháng 3 năm 2017: 54).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty có 12 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC	Hà Nội	Cung cấp các giải pháp về CNTT	100%	100%
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	Hà Nội	Cung cấp giải pháp an ninh an ninh thông tin	99,94%	99,94%
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	Hà Nội	Phân phối các sản phẩm CNTT	100%	100%
Công ty TNHH CMC Blue France (*)	Cộng hòa Pháp	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài BPO, ITO	100%	100%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ viễn thông	54,63%	54,63%
Công ty TNHH CMC Global	Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Hà Nội	Nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới thuộc các lĩnh vực CNTT	100%	100%
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC Sài Gòn (**)	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp các giải pháp về CNTT	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Máy tính CMS (**)	Hà Nội	Sản xuất, lắp ráp phân phối máy tính	100%	100%
Công ty Cổ phần CMC Japan (**)	Nhật Bản	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber - CMC (***)	Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	51%	51%

(*) Công ty TNHH CMC Blue France đã tạm dừng hoạt động.

(**) Công ty gián tiếp nắm giữ lợi ích và quyền biểu quyết tại các đơn vị này thông qua các công ty con lần lượt là Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC và Công ty TNHH CMC Global.

(***)Thực hiện Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã nhận chuyển nhượng 11.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber – CMC tại ngày này và qua đó, nâng tỷ lệ lợi ích của Công ty trong công ty này từ 49% lên 51%. Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber – CMC đã trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày 30 tháng 3 năm 2018.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

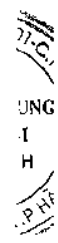
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC là công ty mẹ có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018 vào ngày 27 tháng 6 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm sau.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là các công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo, thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo thời hạn của hợp đồng thuê. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

HLĐP
E1
HC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	39 - 48 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Ban quản lý khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11 tháng 8 năm 2011 trong thời hạn 50 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

31/3/2018
CỔ Đ
ST
VII
CHI
H
/K

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

12
T
HH
Y
N
H
NK
M

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tập đoàn theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014 và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKH-CN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016. Số tiền trích quỹ hàng năm được Hội đồng Quản trị phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và được trích lập trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được Công ty trích từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

17/18
 JN
 T
 H
 /
 18/18

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán.

Tiền cho thuê

Doanh thu từ cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	572.709.033	145.879.491
Tiền gửi ngân hàng	921.926.571	902.762.618
TỔNG CỘNG	1.494.635.604	1.048.642.109

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam với kỳ hạn 12 tháng, hưởng lãi suất 6,8%/năm (ngày 31 tháng 3 năm 2017: từ 6,7%/năm đến 7%/năm).

Công ty đã sử dụng toàn bộ các hợp đồng tiền gửi này làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay thấu chi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BIDV (Thuyết minh số 18).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	9.797.055.394	7.593.029.158
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	6.107.693.913	6.173.875.840
TỔNG CỘNG	15.904.749.307	13.766.904.998
Dự phòng (Thuyết minh 6.2)	(938.064.932)	(938.064.932)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

6.2 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	8.817.198.398	8.812.198.398
Dự phòng trích lập trong năm	2.750.000.000	5.000.000
Số cuối năm	11.567.198.398	8.817.198.398
<i>Trong đó:</i>		
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)	938.064.932	938.064.932
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn	164.759.188	164.759.188
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)	10.464.374.278	7.714.374.278

7. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia	77.031.672.470	-	69.056.893.569	-
Các khoản chi hộ	38.685.989.475	(6.250.054.278)	41.282.567.097	(6.250.054.278)
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần	3.500.000.000	(3.500.000.000)	4.500.000.000	(750.000.000)
Tạm ứng cho nhân viên	3.679.598.300	-	147.841.000	-
Lãi dự thu	3.006.544.443	-	2.982.447.223	-
Phải thu ngắn hạn khác	4.056.239.047	(714.320.000)	3.931.893.393	(714.320.000)
TỔNG CỘNG	129.960.043.735	(10.464.374.278)	121.901.642.282	(7.714.374.278)
Dài hạn				
Phải thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia	29.426.945.000	-	-	-
TỔNG CỘNG	29.426.945.000	-	-	-
<i>Trong đó</i>				
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	119.160.323.023	-	110.339.460.666	-
Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	29.426.945.000	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác từ bên thứ ba	10.799.720.712	-	11.562.181.616	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Công ty TNHH CMC Blue France	6.250.054.278	-	6.250.054.278	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Geteximco	3.500.000.000	-	4.500.000.000	3.750.000.000
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán khác	1.817.144.120	-	1.817.144.120	-
TỔNG CỘNG	11.567.198.398	-	12.567.198.398	3.750.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	207.187.251.243	160.412.961.580	-	2.687.961.806	370.288.174.629
- Mua trong năm	-	335.489.091	-	-	335.489.091
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	1.010.191.851	6.277.280.000	1.255.354.650	8.542.826.501
- Thanh lý, nhượng bán	(1.357.388.943)	-	-	-	(1.357.388.943)
- Giảm khác	-	-	-	(234.982.280)	(234.982.280)
Số dư cuối năm	205.829.862.300	161.758.642.522	6.277.280.000	3.708.334.176	377.574.118.998
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	20.481.818	-	904.558.046	925.039.864
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số dư đầu năm	26.361.904.686	72.261.054.961	-	2.292.343.717	100.915.303.364
- Khấu hao trong năm	4.558.136.722	13.493.116.730	104.621.334	163.171.052	18.319.045.838
- Thanh lý, nhượng bán	(76.230.176)	-	-	-	(76.230.176)
- Giảm khác	-	-	-	(234.982.280)	(234.982.280)
Số dư cuối năm	30.843.811.232	85.754.171.691	104.621.334	2.220.532.489	118.923.136.746
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm	180.825.346.557	88.151.906.619	-	395.618.089	269.372.871.265
Số dư cuối năm	174.986.051.068	76.004.470.831	6.172.658.666	1.487.801.687	258.650.982.252
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp	158.592.775.681	69.804.107.692	-	-	228.396.883.373

Công ty đã sử dụng một phần diện tích của tài sản cố định là Tòa nhà CMC, số 11 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội làm văn phòng cho các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị thứ ba khác thuê sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	195.615.549	20.202.172.474	-	20.397.788.023
- Mua trong năm	-	340.700.000	99.000.000	439.700.000
Số dư cuối năm	195.615.549	20.542.872.474	99.000.000	20.837.488.023
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	41.671.043	-	41.671.043
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số dư đầu năm	6.520.518	9.306.934.203	-	9.313.454.721
- Hao mòn trong năm	39.123.108	2.568.217.668	3.000.000	2.610.340.776
Số dư cuối năm	45.643.626	11.875.151.871	3.000.000	11.923.795.497
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu năm	189.095.031	10.895.238.271	-	11.084.333.302
Số dư cuối năm	149.971.923	8.667.720.603	96.000.000	8.913.692.526

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án tòa nhà CMC Sài Gòn	37.894.585.438	-
Dự án khác	568.100.000	-
TỔNG CỘNG	38.462.685.438	-

/ / / / /

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	
Đầu tư vào công ty con	498.897.033.010	(64.017.479.767)	434.879.553.243	430.864.926.000	342.039.832.260
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	50.000.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC	80.000.000.000	-	80.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	30.756.000.000	(8.106.205.158)	22.649.794.842	20.756.000.000	12.605.843.255
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	100.000.000.000	(50.546.738.609)	49.453.261.391	100.000.000.000	24.689.599.005
Công ty TNHH CMC Blue France	5.364.536.000	(5.364.536.000)	-	5.364.536.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	184.544.390.000	-	184.544.390.000	184.544.390.000	184.544.390.000
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	3.101.123.750	-	3.101.123.750	200.000.000	200.000.000
Công ty TNHH CMC Global	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Liên doanh Cyber - CMC	5.130.983.260	-	5.130.983.260	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	7.258.356.000	-	7.258.356.000	12.248.356.000	12.248.356.000
Công ty Cổ phần Liên doanh Cyber - CMC	-	-	-	4.990.000.000	4.990.000.000
Công ty Cổ phần Netnam	7.258.356.000	-	7.258.356.000	7.258.356.000	7.258.356.000
Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	627.044.400	-
Công ty TNHH Vijasgate	-	-	-	627.044.400	(627.044.400)
TỔNG CỘNG	506.155.399.010	(64.017.479.767)	442.137.909.243	443.740.326.400	354.288.188.260

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết do cổ phiếu của các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	99,94%	99,94%	99,94%	99,94%
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%
Công ty TNHH CMC Blue France	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	54,63%	54,63%	54,63%	54,63%
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%
Công ty TNHH CMC Global	100,0%	100,0%	-	-
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber - CMC	51,0%	51,0%	-	-

Thông tin chi tiết về các công ty con này được trình bày tại Thuyết minh số 1.

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber - CMC (i)	-	-	49,9%	49,9%
Công ty Cổ phần Netnam (ii)	41,1%	41,1%	41,1%	41,1%

(i) Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber - CMC

Như được trình bày tại Thuyết minh số 1, Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber - CMC đã trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày 30 tháng 3 năm 2018 và khoản đầu tư vào công ty liên kết này đã được phân loại sang khoản mục đầu tư vào công ty con.

Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber - CMC là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy đăng ký đầu tư số 011032000088 do Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 1 tháng 2 năm 2008. Công ty này có trụ sở chính tại CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất phần mềm và cung cấp các dịch vụ về phần mềm.

(ii) Công ty Cổ phần Netnam

Công ty Cổ phần Netnam là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100896284 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 2 tháng 6 năm 2010. Công ty này có trụ sở chính tại số 18, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ mạng internet. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm 41,1% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí thuê đất trả trước	8.047.759.383	8.233.476.915
Chi phí môi giới cho thuê văn phòng	977.592.157	1.414.969.232
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	965.838.651	279.525.427
Chi phí trả trước dài hạn khác	743.714.034	459.730.543
TỔNG CỘNG	<u>10.734.904.225</u>	<u>10.387.702.117</u>

14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả cho người bán khác	1.302.894.521	1.302.894.521	269.240.602	269.240.602
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	8.577.065.538	8.577.065.538	5.903.907.071	5.903.907.071
TỔNG CỘNG	<u>9.879.960.059</u>	<u>9.879.960.059</u>	<u>6.173.147.673</u>	<u>6.173.147.673</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí dịch vụ	4.038.499.971	3.593.608.999
Chi phí xây dựng, sửa chữa	5.998.000.000	1.449.583.267
Thủ lao HĐQT và BKS	268.200.000	174.000.000
Chi phí thuê đất	247.787.655	263.148.750
Chi phí khác	46.028.418	4.000.000
TỔNG CỘNG	<u>10.598.516.044</u>	<u>5.484.341.016</u>

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn bao gồm các khoản tiền thuê văn phòng nhận trước từ các khách hàng là bên thứ ba.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	189.878.320	108.463.452
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.204.753.056	4.483.731.694
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	942.298.770	630.127.480
Phải trả tiền vay	587.710.554	630.348.654
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.190.368.733	5.544.678.244
TỔNG CỘNG	<u>7.115.009.433</u>	<u>11.397.349.524</u>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	11.304.006.023	9.427.852.743
TỔNG CỘNG	<u>11.304.006.023</u>	<u>9.427.852.743</u>
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả khác từ các bên liên quan</i>		
<i>(Thuyết minh số 28)</i>	<i>587.710.554</i>	<i>2.722.520.783</i>
<i>Phải trả khác từ bên thứ ba</i>	<i>17.831.304.902</i>	<i>18.102.681.484</i>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
Vay thấu chi ngân hàng (*)	-	-	237.108.857.184	190.282.590.251	46.826.266.933	46.826.266.933		
Vay đối tượng khác (**)	9.675.322.500	9.675.322.500	35.143.528.234	13.968.114.845	30.850.735.889	30.850.735.889		
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	10.311.113.133	10.311.113.133	10.252.091.561	20.563.204.694	-	-		
TỔNG CỘNG	19.986.435.633	19.986.435.633	282.504.476.979	224.813.909.790	77.677.002.822	77.677.002.822		

(*) Đây là các khoản vay thấu chi từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BIDV với lãi suất là 6,8%/năm. Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn và một phần tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 9) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay thấu chi này.

(**) Đây là các khoản vay từ hai cá nhân với thời hạn vay là 1 năm kể từ ngày giải ngân và khoản vay cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 8 tháng 2 năm 2019. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là 6,8%/năm, lãi vay trả hàng quý theo hình thức nhập gốc sau khi đã trừ thuế Thu nhập cá nhân.

19. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	6.052.689.096	1.387.948.636
Trích lập quỹ (Thuyết minh số 20)	6.954.174.536	8.312.858.542
Sử dụng quỹ trong năm	-	(3.648.118.082)
Số dư cuối năm	13.006.863.632	6.052.689.096

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tính hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Năm trước	Số dư đầu năm	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
						Tổng cộng	
	673.419.530.000	673.419.530.000	14.895.512.634	(6.840.260.634)	60.568.182.279	742.042.964.279	
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	83.128.585.422	83.128.585.422	
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(4.443.234.498)	(4.443.234.498)	
- Trích quỹ thưởng HĐQT và BKS	-	-	-	-	(2.306.600.760)	(2.306.600.760)	
- Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	-	-	-	(8.312.858.542)	(8.312.858.542)	
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(52.994.155.200)	(52.994.155.200)	
Số dư cuối năm	673.419.530.000	673.419.530.000	14.895.512.634	(6.840.260.634)	75.639.918.701	757.114.700.701	
Năm nay							
Số dư đầu năm	673.419.530.000	673.419.530.000	14.895.512.634	(6.840.260.634)	75.639.918.701	757.114.700.701	
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	139.083.490.725	139.083.490.725	
- Tái phát hành cổ phiếu quỹ (*)	-	-	19.548.827.766	6.840.260.634	-	26.389.088.400	
- Chia cổ tức (**)	-	-	-	-	(66.242.694.000)	(66.242.694.000)	
- Trích quỹ thưởng HĐQT và BKS (***)	-	-	-	-	(1.679.968.168)	(1.679.968.168)	
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (***) (Thuyết minh số 19)	-	-	-	-	(8.345.009.444)	(8.345.009.444)	
- Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ (****)	-	-	-	-	(6.954.174.536)	(6.954.174.536)	
- Giảm khác	-	-	-	-	(122.356.212)	(122.356.212)	
Số dư cuối năm	673.419.530.000	673.419.530.000	34.444.340.400	-	131.379.207.066	839.243.077.466	

(*) Thực hiện Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 8 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã hoàn tất việc tái phát hành toàn bộ 1.099.259 cổ phiếu quỹ trong năm.

(**) Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017 căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017 ngày 26 tháng 6 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(***) Công ty đã thực hiện tam phân phối các quỹ từ lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018 căn cứ theo kế hoạch phân phối lợi nhuận đã được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017 ngày 26 tháng 6 năm 2017.

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Công ty TNHH Đầu tư Mỹ Linh	8.151.210	8.151.210	-	14.251.210	14.251.210	-
Công ty TNHH Đầu tư MVI	13.030.700	13.030.700	-	14.161.600	14.161.600	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	9.393.596	9.393.596	-	9.393.596	9.393.596	-
Quý PYN Elite	4.053.810	4.053.810	-	3.345.180	3.345.180	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	3.392.000	3.392.000	-	3.392.000	3.392.000	-
Tập đoàn Bảo Việt	3.392.000	3.392.000	-	3.392.000	3.392.000	-
Các cổ đông khác	25.928.637	25.928.637	-	19.406.367	19.406.367	-
TỔNG CỘNG	67.341.953	67.341.953	-	67.341.953	67.341.953	-

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	673.419.530.000	673.419.530.000
Tăng trong năm	-	-
Số cuối năm	673.419.530.000	673.419.530.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	66.242.694.000	52.994.155.200
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	65.930.522.710	52.462.724.720

20.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	67.341.953	67.341.953
Cổ phiếu phổ thông	67.341.953	67.341.953
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	(1.099.259)
Cổ phiếu phổ thông	-	(1.099.259)
Cổ phiếu đang lưu hành	67.341.953	66.242.694
Cổ phiếu phổ thông	67.341.953	66.242.694

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
1. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	25.537	13.921

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	153.504.372.757	119.002.463.124
Trong đó:		
Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng	96.228.306.867	86.213.942.771
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	33.404.031.607	32.788.520.353
Doanh thu bán hàng hóa	23.872.034.283	-

Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	153.504.372.757	119.002.463.124

Trong đó:		
Doanh thu đối với bên thứ ba	108.806.477.592	93.412.182.695
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	44.697.895.165	25.590.280.429

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.638.591.986	3.140.330.889
Cổ tức và lợi nhuận được chia	109.571.410.947	66.776.906.207
Khác	2.093.734	2.415.450
TỔNG CỘNG	114.212.096.667	69.919.652.546

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của dịch vụ cho thuê văn phòng	51.303.228.789	41.636.791.136
Giá vốn cung cấp dịch vụ	33.404.031.607	32.788.520.353
Giá vốn của hàng hóa đã bán	23.872.034.283	-
TỔNG CỘNG	108.579.294.679	74.425.311.489

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) của Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	139.025.494.385	83.070.589.082
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí không được khấu trừ	4.968.093.425	3.519.610.000
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	814.800.000	478.200.000
Các khoản điều chỉnh khác	289.981.704	289.981.704
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(109.571.410.947)	(66.776.906.207)
Thu nhập tính thuế ước tính trong năm hiện hành	35.526.958.567	20.581.474.579
Lỗ các năm trước chuyển sang	(35.526.958.567)	(20.581.474.579)
Thu nhập tính thuế sau cần trừ lỗ năm trước	-	-
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành	-	-
Thuế TNDN trả trước đầu năm	20.312.223	20.312.223
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN trả trước cuối năm	20.312.223	20.312.223

12/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Đơn vị tính: VND

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch tạm thời do thời gian khấu hao tài sản	1.647.247.965	1.705.244.305		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng			57.996.340	57.996.340

27.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 8.246.727.503 VND (tại ngày 31 tháng 3 năm 2017: 43.773.686.070 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31/3/2018</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/3/2018</i>
2013 (*)	2018	189.838.959	(189.838.959)	-	-
2014 (*)	2019	43.583.847.111	(35.337.119.608)	-	8.246.727.503
TỔNG CỘNG		43.773.686.070	(35.526.958.567)	-	8.246.727.503

(*) Đây là lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với giá trị lỗ lũy kế nêu trên do chưa dự tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.159.651.187	5.015.678.675
		Mua dịch vụ	57.152.728.858	26.595.875.856
		Góp vốn	10.000.000.000	-
		Lợi nhuận được chia	50.923.943.420	45.381.060.986
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.201.873.870	3.281.547.455
		Lợi nhuận được chia	-	4.145.990.321
		Mua dịch vụ	1.265.492.440	1.891.347.620
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.827.293.536	16.251.342.998
		Mua dịch vụ	1.230.728.983	429.750.000
		Cổ tức được chia	47.727.284.112	10.980.203.400
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.061.722.859	675.138.025
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.308.639.468	-
		Góp vốn	10.000.000.000	1.056.000.000
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC Sài Gòn	Công ty con	Mua dịch vụ	-	5.916.092.000
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.138.714.245	366.573.276
Viện Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Công ty con	Góp vốn	2.901.123.750	-
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Góp vốn	40.000.000.000	-
Công ty Cổ phần NetNam	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	6.973.264.500	5.121.951.500
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber - CMC	Công ty con	Cổ tức được chia	5.100.000.000	1.147.700.000
Công ty TNHH Đầu tư Mỹ Linh	Cổ đồng lớn	Chi phí thuê nhân sự	3.686.671.393	3.933.542.288
Công ty TNHH Đầu tư MVI	Cổ đồng lớn	Chi phí thuê nhân sự	-	2.519.335.706

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2018 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty đã trích lập một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi 6.250.054.278 VND liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 3 năm 2017: 6.250.054.278 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	-	718.066.104
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	733.378.795	1.594.964.297
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC Sài Gòn	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	145.967.430	60.929.880
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	2.569.126.076	1.423.384.882
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	2.160.999.657	2.376.530.677
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	475.613.721	-
Viện Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	1.072.500	-
Công ty Cổ phần Liên doanh Cyber - CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	21.535.734	-
TỔNG CỘNG			6.107.693.913	6.173.875.840

37

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC	Công ty con	Trả trước cho dịch vụ cung cấp	495.000.000	-
TỔNG CỘNG			495.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	49.770.862.447	45.381.060.986
		Phải thu chi hộ	5.616.439.822	5.889.565.646
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	22.160.810.023	23.675.832.583
		Phải thu chi hộ	13.600.411.453	15.886.712.449
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC Sài Gòn	Công ty con	Phải thu chi hộ	8.149.962.710	7.471.314.648
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Phải thu chi hộ	3.236.995.169	5.362.158.618
Viện Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Công ty con	Phải thu chi hộ	749.465.703	106.239.104
Công ty TNHH CMC Blue France	Công ty con	Phải thu chi hộ	6.250.054.278	6.250.054.278
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Phải thu chi hộ	758.432.848	207.703.606
Công ty TNHH Máy tính CMS	Công ty con	Phải thu chi hộ	-	128.818.748
Công ty Cổ phần liên doanh Ciber - CMC	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	5.100.000.000	-
		Phải thu chi hộ	169.694.550	-
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Phải thu chi hộ	154.532.942	-
Các cá nhân liên quan khác	Bên liên quan khác	Phải thu khác	3.442.661.078	-
TỔNG CỘNG			119.160.323.023	110.339.460.666
Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	29.426.945.000	-
TỔNG CỘNG			29.426.945.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

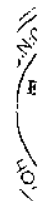
Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)				
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	122.183.205	-
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	8.454.882.333	5.829.175.000
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber - CMC	Công ty liên kết	Phải trả khác	-	67.582.821
Công Ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC Sài Gòn	Công ty con	Phải trả khác	-	7.149.250
TỔNG CỘNG			8.577.065.538	5.903.907.071
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)				
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC	Công ty con	Phải trả khác	-	30.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	Công ty con	Các khoản thu hộ	-	840.370.940
Viện Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Công ty con	Phải trả khác	-	995.118.082
Công ty Cổ phần NetNam	Công ty liên kết	Phải trả khác	-	256.653.107
Các cá nhân liên quan khác	Bên liên quan khác	Phải trả khác	587.710.554	630.348.654
TỔNG CỘNG			587.710.554	2.722.520.783
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 18)				
Bên liên quan khác	Bên liên quan khác	Vay ngắn hạn	-	10.311.113.133
TỔNG CỘNG			-	10.311.113.133

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	4.853.800.000	2.508.685.714
TỔNG CỘNG	4.853.800.000	2.508.685.714



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Lĩnh vực cho thuê văn phòng</i>	<i>Lĩnh vực cung cấp dịch vụ và hàng hóa khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày			
Doanh thu cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	96.228.306.867	57.276.065.890	153.504.372.757
Tổng doanh thu	96.228.306.867	57.276.065.890	153.504.372.757
Kết quả			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	44.925.078.078	-	44.925.078.078
Chi phí bán hàng	(724.882.310)	-	(724.882.310)
Thu nhập, chi phí không phân bổ			93.375.533.997
Lợi nhuận thuần trước thuế			139.025.494.385
Chi phí thuế TNDN hiện hành			-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			57.996.340
Lợi nhuận thuần sau thuế			139.083.490.725
Tài sản và công nợ			
Tài sản bộ phận	213.291.146.119	9.323.032.368	222.614.178.487
Tài sản không phân bổ			770.595.501.572
Tổng tài sản			993.209.680.059
Nợ phải trả bộ phận	7.262.673.801	9.245.192.778	16.507.866.579
Nợ phải trả không phân bổ			137.458.736.014
Tổng nợ phải trả			153.966.602.593

1/ K/ H/ H/ V/ D/ C/

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	<i>Lĩnh vực cho thuê văn phòng</i>	<i>Lĩnh vực cung cấp dịch vụ và hàng hóa khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày			
Doanh thu cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	86.213.942.771	32.788.520.353	119.002.463.124
Tổng doanh thu	86.213.942.771	32.788.520.353	119.002.463.124
Kết quả			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	44.577.151.635	-	44.577.151.635
Chi phí bán hàng	(1.051.763.490)	-	(1.051.763.490)
Thu nhập, chi phí không phân bổ			39.545.200.937
Lợi nhuận thuần trước thuế			83.070.589.082
Chi phí thuế TNDN hiện hành			-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			57.996.340
Lợi nhuận thuần sau thuế			83.128.585.422
Tài sản và công nợ (Phân loại lại)			
<i>Tài sản bộ phận</i>	<i>180.352.279.849</i>	<i>5.849.225.035</i>	<i>186.201.504.884</i>
<i>Tài sản không phân bổ</i>			<i>647.472.145.457</i>
Tổng tài sản			833.673.650.341
<i>Nợ phải trả bộ phận</i>	<i>5.894.561.779</i>	<i>5.903.907.071</i>	<i>11.798.468.850</i>
<i>Nợ phải trả không phân bổ</i>			<i>64.760.480.790</i>
Tổng công nợ phải trả			76.558.949.640

30. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	59.654.207.300	54.056.435.201
Từ 1 năm – 5 năm	82.448.999.755	112.011.295.386
TỔNG CỘNG	142.103.207.055	166.067.730.587

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	1.052.595.000	1.052.595.000
Từ 1 năm – 5 năm	4.210.380.000	4.210.380.000
Trên 5 năm	34.336.295.230	35.389.467.311
TỔNG CỘNG	39.599.270.230	40.652.442.311

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản cam kết với số tiền là 37,8 tỷ VND chủ yếu liên quan đến việc thuê đất xây dựng dự án tòa nhà CMC Sài Gòn.

Cam kết đầu tư dài hạn

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11/2014/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 6 năm 2014, Công ty đã thành lập Viện Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ CMC do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ với mức vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 5 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty đã thực hiện góp vốn vào đơn vị này với số tiền là 3,1 tỷ VND.

31. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và dữ liệu chi tiết của Chi phí Quản lý doanh nghiệp (Thuyết minh số 25), Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố (Thuyết minh số 26) và Thông tin theo bộ phận tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được Công ty phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng của năm hiện tại.

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Kế toán trưởng
Nguyễn Hồng Phương



Giám đốc Tài chính
Lê Thanh Sơn

Tổng Giám đốc
Nguyễn Trung Chính



Ngày 27 tháng 6 năm 2018

